

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số:40/2024/HS-ST
Ngày 05 - 11 - 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Lược
Ông Nguyễn Quốc Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân (viết tắt: TAND) thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân sát nhân dân (viết tắt: VKSND) thị xã B, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình N- kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở TAND thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh ngày 18/5/1991, tại thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Tổ dân phố V, phường N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M1 (đã chết), con bà: Nguyễn Thị P; Vợ Lê Thị H; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền sự: không. Tiền án: 03:

- Ngày 07/12/2010 bị TAND huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã N, tỉnh Thanh Hóa) xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 02 ngày, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Trộm cắp tài sản” (Chưa chấp hành hình phạt bổ sung).

- Ngày 22/9/2016 bị TAND huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã N, tỉnh Thanh Hóa) xử phạt 48 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 27/7/2019 chấp hành xong án phạt tù.

- Ngày 25/12/2019 bị TAND huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã N, tỉnh Thanh Hóa) xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 24/8/2023 chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ 25/6/2024 đến 27/6/2024, ngày 27/6/2024 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B (có mặt).

* **Bị hại:** Chị Bùi Thị T, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, Huyện H, Thanh Hóa (vắng mặt)

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Công D, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện N, Thanh Hóa (vắng mặt)

* **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Khu phố B, phường B, thị xã B, Thanh Hóa (vắng mặt).

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 22/6/2024, Nguyễn Văn M một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DAEHANIKD màu trắng, biển kiểm soát: 36AA-408.35 từ nhà trọ ở khu phố G, phường B, thị xã B đi lượn quanh trên đường. Khi đến ngã tư gần khu vực công ty lớp COFO, M nhìn thấy chị Bùi Thị T đang đi xe máy một mình có đeo túi xách trên vai, liền nảy sinh ý định cướp giật túi xách của chị T nên điều khiển xe bám theo chị T. Đến khu vực vắng người trên đường N, M tăng ga áp sát phía bên phải chị T, dùng tay trái giật túi xách rồi chạy thẳng ra đường T. Bị M giật túi, chị T liền hô lên “Cướp” rồi điều khiển xe đuổi theo M. Bị chị T truy đuổi nên trên đường bỏ chạy, đến đoạn đường T thuộc khu phố E, phường B, thị xã B, M ném túi xách của chị T vào bụi cỏ bên phải đường mục đích để chị T dừng truy đuổi nhưng chị T vẫn tiếp tục đuổi theo. Chị T vừa đuổi, vừa truy hô “Cướp”, “Cướp”. Lúc này, anh Nguyễn Văn S đang ngồi trong quán ăn đêm của anh Lý Thành C ở địa chỉ A đường T, nghe thấy chị T hô “Cướp” cũng điều khiển xe máy đuổi theo M. Bị chị T và anh S đuổi theo, M tiếp tục phóng xe bỏ chạy. Khi đến khu vực đường L thuộc khu phố A, phường B, thị xã B, M bị ngã xe xuống gần suối, không đưa xe lên được nên giấu xe, vứt dép, đi bộ về nhà trọ, sau đó, bắt xe khách về N để trốn. Đến ngày 25/6/2024, biết không thể trốn tránh nên M đã đến Công an thị xã B xin đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn M nhưng không thu giữ được đồ vật, tài sản gì.

* Cơ quan điều tra đã thu giữ những vật chứng, tài sản:

- 01(một) túi xách da màu đen có dòng chữ “Chanel” kích thước (40x30)cm, bên trong có 01 điện thoại Oppo F9, lắp hai phôi sim V và V1; số tiền 940.000đ(chín trăm bốn mươi nghìn đồng) gồm 01 tờ tiền 500.000đ, 01 tờ tiền 200.000đ, 02 tờ tiền 100.000đ(một trăm nghìn đồng), 01 tờ tiền 20.000đ, 02 tờ tiền 10.000đ; 02 quyền vớ.

- 01(một) xe máy nhãn hiệu DAEHANNIKD màu trắng, dán nhãn WAVES không có biển kiểm soát;

- 01(một) đôi dép xốp màu đen có chữ adidas;

- 02(hai) mảnh gương vỡ không rõ hình dạng, kích thước.

Những đồ vật, tài sản thu giữ đã được Cơ quan điều tra niêm phong theo quy định.

* Về định giá tài sản:

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 27/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã B kết luận:

+ 01(một) túi xách da màu đen có dòng chữ “Chanel” kích thước (40x30)cm (loại giả da) giá trị hiện tại là 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) điện thoại Oppo F9, lắp hai phôi sim V và V1 giá trị hiện tại là 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

+ 02 quyền vớ giá trị 10.000đ (mười nghìn đồng).

- Đối với Lê Công D là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 36AA-408.35, D không biết, không bàn bạc, không giúp sức, không hưởng lợi và không che giấu cho M thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B không xử lý đối với D là phù hợp.

* Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

- Đối với 01(một) túi xách da màu đen có dòng chữ “Chanel” kích thước (40x30)cm, bên trong có 01 điện thoại Oppo F9, lắp hai phôi sim V và V1; số tiền 940.000đ (chín trăm bốn mươi nghìn đồng) gồm 01 tờ tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), 01 tờ tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), 02 tờ tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng), 01 tờ tiền 20.000đ, 02 tờ tiền 10.000đ; 02 quyền vớ là tài sản của chị Bùi Thị T. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T theo quy định của pháp luật. Nhận lại tài sản chị T không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

- Toàn bộ số vật chứng, tài sản còn lại được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn để bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSBS ngày 22 tháng 10 năm 2024 đã truy tố các bị cáo [Nguyễn Văn M](#) về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự (viết tắt: BLHS).

Tại phiên tòa Đại diện VKS duy trì công tố giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX):

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Đề nghị tuyên bố bị cáo [Nguyễn Văn M](#) phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 BLHS;

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38/BLHS đề nghị xử phạt bị cáo [Nguyễn Văn M](#) mức án từ 39 tháng đến 42 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có việc làm ổn định nên đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 171 BLHS để phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản cho chị [T](#). Chị [T](#) đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo [M](#) nên đề nghị miễn xét.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS, Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt: BLTTHS) đề nghị HĐXX;

- Trả lại cho anh [Lê Công D](#) 01 xe máy nhãn hiệu DAEHANNIKD màu trắng, dán nhãn WAVES không có biển kiểm soát;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01(một) đôi dép xốp màu đen có chữ adidas;

+ 02(hai) mảnh gương vỡ không rõ hình dạng, kích thước.

* Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an thị xã B](#), Điều tra viên; VKSND thị xã Bim Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo và đại diện VKS không đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa. Hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của họ đầy đủ, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 BLTTHS HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo [Nguyễn Văn M](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của VKS. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 22/6/2024, tại [đường N thuộc khu phố H, phường B, thị xã B](#), [Nguyễn Văn M](#) đã điều khiển xe máy cướp giật của chị [Bùi Thị T](#) 01 chiếc túi xách và các tài sản bên trong có tổng trị giá là 2.400.000 đồng tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại.

Hành vi của [Nguyễn Văn M](#) đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định xử lý tại điểm d, i khoản 2 Điều 171/BLHS. Do đó, VKSND thị xã Bim Sơn truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo [Nguyễn Văn M](#) là nghiêm trọng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh, dùng tay trái giật túi xách của chị [T](#) rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Mặt khác, cướp giật tài sản từ lâu đã trở thành vấn đề nhức nhối, trở thành nỗi ám ảnh của không ít người dân, gây bức xúc trong dư luận, hơn nữa bị cáo đang có 03 tiền án (ngày 07/12/2010 bị TAND huyện Tĩnh Gia (nay là [thị xã N](#)), [tỉnh Thanh Hóa](#) xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 02 ngày, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội "Trộm cắp tài sản" (Chưa chấp hành hình phạt bổ sung); Ngày 22/9/2016 bị TAND huyện Tĩnh Gia (nay là [thị xã N](#)), [tỉnh Thanh Hóa](#) xử phạt 48 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Ngày 27/7/2019 chấp hành xong án phạt tù; Ngày 25/12/2019 bị TAND huyện Tĩnh Gia (nay là [thị xã N](#)), [tỉnh Thanh Hóa](#) xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Ngày 24/8/2023 chấp hành xong án phạt tù), nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội. Do đó, HĐXX xét thấy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe,

giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS
- Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 171 BLHS là phù hợp.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại tài sản cho bị hại. Quá trình điều tra bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo [Nguyễn Văn M.](#)

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy:
 - + 01(một) đôi dép xốp màu đen có dòng chữ adidas;
 - + 02(hai) mảnh gương vỡ không rõ hình dạng, kích thước.
- Trả lại cho anh [Lê Công D](#) 01 xe máy ghi chữ DAEHANNIKD màu trắng, có dòng chữ WAVES không có biển kiểm soát, số máy VZS139FMB 24003640, số khung RLPBCB7 UMJB003640;
- Án phí HSST bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Điểm a khoản 2, điểm khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và mục 1 phần I danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Tuyên bố: Bị cáo [Nguyễn Văn M](#) phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”

Xử phạt: [Nguyễn Văn M](#) 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2024.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01(một) đôi dép xỏp màu đen có dòng chữ adidas;
+ 02(hai) mảnh gương vỡ không rõ hình dạng, kích thước.
- Trả lại cho anh Lê Công D, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa 01 xe máy ghi chữ DAEHANNIKD màu trắng, có dòng chữ WAVES không có biển kiểm soát, số máy VZS139FMB 24003640, số khung RLPBCB7 UMJB003640;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/10/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Nguyễn Văn M, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/11/2024); Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bỉm sơn;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an thị xã Bỉm Sơn;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Bỉm Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ LQ;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THA Dân sự TX Bỉm sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

